

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo đảm kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

1. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo nhiệm vụ thường xuyên thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ, hoạt động trong nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật:

a) Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được áp dụng bằng mức khoán chi tối đa được quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

b) Đối với các nội dung chi, mức chi chưa được quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP thì áp dụng mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình áp dụng, bãi bỏ một số nội dung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình trước sắp xếp thuộc lĩnh vực Tư pháp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khoá XVI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *CĐ*



Lê Quốc Chính



PHỤ LỤC

Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, xử lý,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo nhiệm vụ thường xuyên
(Bản hành kèm theo Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	100.000
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	70.000
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (có văn bản được xin ý kiến)	01 báo cáo/ 01 văn bản	1.500.000	1.200.000
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương)			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống văn bản định kỳ (05 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc của Sở Tư pháp thực hiện theo văn bản giao việc của Ủy ban nhân dân tỉnh)	01 báo cáo	7.000.000	
-	Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập	01 báo cáo	3.000.000	
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã	01 báo cáo		1.500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400.000	320.000
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)	01 lần chỉnh lý	900.000	700.000
5	Chi kiểm tra văn bản			
a	Chi tự kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bởi điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)			
-	Trường hợp tự kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250.000	200.000
-	Trường hợp tự kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500.000	400.000
b	Chi kiểm tra văn bản theo thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP			
-	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250.000	
-	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500.000	
6	Chi rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (05 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	01 văn bản	200.000	150.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
7	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản			
a	Mức chi chung	01 văn bản	300.000	250.000
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600.000	500.000
8	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250.000	200.000
9	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 17 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)	01 văn bản	150.000	100.000
10	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150.000	120.000
b	Chi phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn <i>(khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo)</i>	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	50.000